

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/04/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		AMD+P5	7:25	11+11	0+0		10+12	0+0	
2		P4+P7	7:25	12+10	0+0		11+11	0+0	
3		P1+AMD	7:25	6+16	0+0		2+20	0+0	
4		MRM+CTK3+P1	9:25	18+3+0	0+0+0		11+8+3	0+0+0	
5		P2+P3	9:25	4+18	0+0		4+18	0+0	
6		TD2+MRM	9:25	11+9	0+0		6+16	0+0	
7		TD5+P7	11:25	11+11	0+0		1+21	0+0	
8		P4+P5	11:25	13+7	0+0		14+8	0+0	
9		P11+P1	11:25	2+19	0+0		0+22	0+0	

TTBDSX

Đi về trong ngày P7-8ng, P5-4ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/04/2024	TO: AMD - P5	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Nam - VThắng - NNam	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN AN	AMD	20	1	6	55	68	HLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN VO BA LINH	AMD	23-24	2	15		75	HLJOC	Vietnamese
3	PHAM TUAN HA	AMD	31	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI MINH KHA	AMD	21	1	2		60	KH-THAC	Vietnamese
5	TRUONG THE HIEN	AMD	30	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
6	DOAN TAN TRI	AMD	22	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN DINH KHANH	AMD	28	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM ANH NGU	AMD	29	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGO BA THANH	AMD	25	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN MANH CAN	AMD	27	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
11	CHU HUU CHINH	AMD	26	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
12	VU MINH PHUONG	P5				50	72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN ANH DUNG	P5					94	KH-THAC	Vietnamese
14	DO MINH TOAN	P5	83	1	5		118	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN SON	P5	78	1	8	17	70	YTE	Vietnamese
16	NGUYEN MINH TRUNG	P5	81	1	5		75	NHATHAU	Vietnamese
17	PHAM HIEN TRUONG	P5	82	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN HOANG VIET	P5	74	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
19	LUONG VAN THANH	P5	75	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
20	TONG XUAN SINH	P5	77	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN TUAN MINH	P5	80	1	6		84	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN DINH TU	P5	76	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	11	12	62	731	55	10		
2	P5	11	9	54	861	67	12		
TOTAL		22	21	116	1.592	122	22		
WEIGHT KG				116	1.592	122			

GRAND TOAL: 1.830 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/04/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: P4 - P7	CREW: HÙNG - M.Đức - Thành	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MARZIEV	P4	93-94	2	9		86	KH-THAC	Russian
2	PODYMOV	P4	51	1	5		145	KH-THAC	Russian
3	HOÀNG NGỌC TRƯỜNG	P4	89	1	9		82	KH-THAC	Vietnamese
4	THAI TRỌNG BÌNH	P4	52-53	2	20		80	KH-THAC	Vietnamese
5	HÀ VĂN NIN	P4	96	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU SỸ	P4	92	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN ANH ĐỨC	P4	95	1	5	25	94	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ NGỌC TUÂN	P4	90-91	2	12		85	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH TÂM	P4	97	1	11		67	YTE	Vietnamese
10	HOÀNG KHẮC DŨ	P4	54	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ VĂN CHIẾN	P4					70	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG HỒNG VIỆT	P4	600	1	7		53	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU VĂN	P7	93	1	2		76	D-HANH	Vietnamese
14	ĐINH TRUNG KIẾN	P7					73	D-HANH	Vietnamese
15	NGUYỄN CONG HOAN	P7					77	D-HANH	Vietnamese
16	PHAN QUỐC TUÂN	P7	89	1	2		77	D-HANH	Vietnamese
17	VŨ VĂN TOÀN	P7					74	D-HANH	Vietnamese
18	CHU MINH HÙNG	P7	88	1	3		86	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN NGỌC QUYẾT	P7	87	1	3	70	75	NIPI	Vietnamese
20	BAGRAMOVA	P7					55	NIPI	Russian
21	LÊ HOÀI THANH	P7	90-91	2	10		63	YTE	Vietnamese
22	HOÀNG MẠNH CƯỜNG	P7	92	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

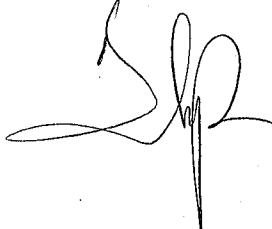
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	12	14	95	975	25	11		
2	P7	10	7	23	722	70	11		
TOTAL		22	21	118	1.697	95	22		
WEIGHT KG				118	1.697	95			

GRAND TOAL: 1.910 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/04/2024	TO: P1 - AMD	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: CHIẾN - MTHAO - Toan	ETA: 09:30
VANG-I			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN TÙNG	P1	05	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN XUÂN LÀNH	P1	04	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÌNH VĂN THẮNG	P1	01	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VĂN THẮNG	P1	03	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ NGỌC HẢI	P1	02	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN KHÁNH DUY	P1	06	1	8		83	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HIỆN	AMD	70	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRẦN QUỐC KHANG	AMD	73-74	2	19		70	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ VIỆT THẮNG	AMD	68	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẠO ĐỨC HUY	AMD	64	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN QUỐC VIỆT	AMD	65	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	AMD	71-72	2	16		91	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ ĐỨC TÂM	AMD	60	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TÂN	AMD	62	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ QUANG VIỆT	AMD	69	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN NGỌC THU	AMD	75	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRƯƠNG ĐỨC HÙNG	AMD	63	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN MINH HOÀI	AMD	58	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
19	CHU ĐỨC CHI	AMD	61	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
20	VÌ TRẦN TÂN THUẬN	AMD	67	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ VĂN THIÊN	AMD	66	1	8		65	PSV	Vietnamese
22	TRẦN VĂN NHAN	AMD	59	1	9		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	6	6	39	410	0	2		
2	AMD	16	18	140	1.148	0	20		
TOTAL		22	24	179	1.558	0	22		
WEIGHT KG				179	1.558	0			

GRAND TOAL: 1.737 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/04/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	TO: MRM - CTK3 - P1	CREW: Nam - VThắng - NNam	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ANH TU	MRM	84-85	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
2	DEREVYANKO ARTEM	MRM	66	1	8		82	KHOAN	Russian
3	SHOKHIN IGOR	MRM	73	1	13		105	KHOAN	Russian
4	SUKHANOV EGOR	MRM	77	1	11		95	KHOAN	Russian
5	KHOKHLOV VLADISLAV	MRM	67-68	2	20		86	KHOAN	Russian
6	KHATIPOV RUSLAN	MRM	78	1	12		70	KHOAN	Russian
7	GRIGOREV ALEKSANDR	MRM	83	1	12		66	KHOAN	Russian
8	PIMAKIN OLEG	MRM	65	1	15		116	KHOAN	Russian
9	NIKULIN DENIS	MRM	69	1	17		136	KHOAN	Russian
10	BITSUTIN VLADISLAV	MRM	70	1	7		105	KHOAN	Russian
11	DEREVYANKO NIKOLAI	MRM	71	1	7		87	KHOAN	Russian
12	TARANENKO ALEKSEI	MRM	72	1	9		115	KHOAN	Russian
13	MOSHKIN SERGEI	MRM	74-75	2	20		77	KHOAN	Russian
14	NGUYEN VAN BIEN	MRM	81-82	2	10		72	PSV	Vietnamese
15	LÊ VĂN HUY	MRM	76	1	10		67	NHATHAU	Vietnamese
16	NGUYEN HUU HOANG ANH	CTK3	93-95	3	20		104	KH-THAC	Vietnamese
17	CAO VĂN THẮNG	CTK3	98	1	6	35	77	WOGC	Vietnamese
18	NGUYEN DINH HAI	CTK3					70	SANBAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	15	19	186	1.349	0	11		
2	CTK3	3	4	26	251	35	8		
3	P1	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		18	23	212	1.600	35	22		
WEIGHT KG				212	1.600	35			

GRAND TOAL: 1.847 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/04/2024	TO: P2 - P3	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: HUNG - M.Đức - Thành	ETA: 11:45
CAM - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ NGUYỄN HOÀNG MINH	P2	60-61	2	12		72	T-TIN	Vietnamese
2	HUYNH CẨM THIÊN	P2	05	1	12	20	80	T-TIN	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC THIÊN	P2	02-04	3	20		67	T-TIN	Vietnamese
4	VƯƠNG ĐÌNH VỊ	P2	58	1	5		54	PSV	Vietnamese
5	ĐÌNH SONG HAI	P3	02	1	10		60	YTE	Vietnamese
6	BUI THE DIEN	P3	12	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM KHÁC ĐOÀN	P3					63	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẠO ĐÌNH HUY	P3	13	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
9	LAM TUAN KHAI	P3	14	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TRƯỞNG	P3	09	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
11	CHAU ĐÌNH TU	P3	11	1	2		71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC VINH	P3	03	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ TAM THUY	P3	06	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN CÔNG THANH	P3	10	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ HOÀI NAM	P3	04	1	5		66	PSV	Vietnamese
16	PHẠM HỒNG DIEN	P3	01	1	4		70	PSV	Vietnamese
17	CAO DUY LUNG	P3	07	1	6		54	PSV	Vietnamese
18	TRỊNH VĂN HA	P3	08	1	4		65	PSV	Vietnamese
19	VU VAN PHUC	P3	05	1	4		54	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	4	7	49	273	20	4		
2	P3	15	14	72	993	0	18		
TOTAL		19	21	121	1.266	20	22		
WEIGHT KG				121	1.266	20			

GRAND TOAL: 1.407 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/04/2024	TO: TD2 - MRM	AIRCRAFT: 427	ETD: 10:00
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: CHIẾN - MTHAO - Toan	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN THỰC	TD2	79	1	17	40	85	KHOAN	Vietnamese
2	SYSTEROV R.	TD2	70-71	2	13		75	KH-THAC	Russian
3	ĐÀO NGỌC HAI	TD2	80	1	12		67	XAYLAP	Vietnamese
4	HOANG VĂN VIỆT	TD2	81-82	2	15		78	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐÀO TRUNG KIEN	TD2	76-77	2	19		75	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG HUNG	TD2	78	1	16		60	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ VĂN ĐÔNG	TD2	84-85	2	19		61	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN CAO KHANH	TD2	74-75	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG DUY TAI	TD2	72-73	2	17		69	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC VIỆT	TD2	83	1	10		55	PSV	Vietnamese
11	LÊ VĂN ĐỆ	MRM	08	1	10		55	NHATHAU	Vietnamese
12	HỒ TRI	MRM	09-10	2	13		58	NHATHAU	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT THAI	MRM	06-07	2	13		58	NHATHAU	Vietnamese
14	TÀ THAI DUONG	MRM	05	1	5		52	NHATHAU	Vietnamese
15	KURSHEV SERGEI	MRM	03	1	10		75	KHOAN	Russian
16	ZHESTKOV IGOR	MRM	02	1	12		115	KHOAN	Russian
17	ILMENTEV ANDREI	MRM	01	1	16	5	51	KHOAN	Russian
18	KARMADONOV SERGEI	MRM	12-13	2	18		95	KHOAN	Russian
19	RULEV SEMEN	MRM	04	1	15		110	KHOAN	Russian
20	PHAM NGOC QUAN	MRM	14	1	5		72	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN TIEN BINH	MRM	11	1	3		71	PSV	Vietnamese
22	LÊ MINH PHAT	MRM	79-80	2	12		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	10	16	150	695	40	6		
2	MRM	12	16	132	872	05	16		
TOTAL		22	32	282	1.567	40	22		
WEIGHT KG				282	1.567	40			

GRAND TOAL: 1.889 KGS + 5 kg

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/04/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	TO: TD5 - P7	CREW: Linh - XTrường - THỤ	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	RAKHMATULIN R.	TD5	96	1	13	50	80	KHOAN	Russian
2	ZHANG ZHE	TD5	32	1	8		65	PVDWS/H	Chinese
3	JOSE LUIS LOPEZ	TD5	99	1	13		108	PVDWS/H	Venezulian
4	CHEW BORN PIN	TD5	34	1	10		100	PVDWS/H	Bruneian
5	JASON COLE	TD5	98	1	13		115	PVDWS/H	British
6	HA HUY TUAN	TD5	31	1	10		86	PVDWS/H	Vietnamese
7	TRAN VAN HOAN	TD5	35-36	2	15		65	PVDWS	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC NAM	TD5	37	1	14		102	PVDWS/H	Vietnamese
9	TRAN THANH CHAU	TD5	33	1	12		79	PVDWS/H	Vietnamese
10	NGUYEN NGOC PHAT	TD5	900	1	10		95	PVDWS/H	Vietnamese
11	TRINH VAN VUONG	TD5	97	1	10		88	PVDWS	Vietnamese
12	NGUYEN DINH TRONG	P7					71	KH-THAC	Vietnamese
13	MAI VAN SON	P7					62	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN TIEN HIEP	P7	98	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
15	MAI CONG LAN	P7	97	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
16	TRINH VAN PHUONG	P7					78	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM NGOC SON	P7					77	KH-THAC	Vietnamese
18	LAM DANG GIANG	P7	94	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM NGUYEN HAI DUONG	P7	95	1	9		83	KH-THAC	Vietnamese
20	DAO TUAN CHU	P7	96	1	5		67	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN VAN LOAN	P7	100	1	4		45	PSV	Vietnamese
22	MAI VAN TOAN	P7	99	1	10		59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	11	12	128	983	50	1		
2	P7	11	7	42	743	0	21		
TOTAL		22	19	170	1.726	50	22		
WEIGHT KG				170	1.726	50			

GRAND TOAL: 1.946 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/04/2024	TO: P4 - P5	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: HUNG - ĐNam - HIÊU	ETA: 14:05
CAM-3			

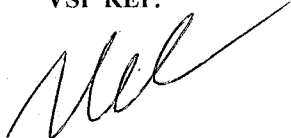
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ CHI BAO	P4	23	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐAO MINH TUÂN	P4					72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	P4	29	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH HAI	P4	30	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
5	HOÀNG THẾ ANH	P4	49	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐINH VĂN TOÀN	P4	26	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese
7	LÂM XUÂN HAI	P4	28	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM NGỌC HÙNG	P4	24	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HUNG BAY	P4	25	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ HOÀNG PHỤNG	P4	27	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH HAI	P4	50	1	4		56	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH NAM	P4					77	KH-THAC	Vietnamese
13	LÂM VĂN PHÚC	P4	600	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM QUANG HUY	P4	99	1	8		106	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN MINH THANG	P4	98	1	13	35	65	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN NGỌC	P5	19	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐOÀN ĐÌNH PHẠC	P5	14-15	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN CAO MẠNH	P5	21	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐOÀN ANH PHƯƠNG	P5	16-17	2	7		67	PSV	Vietnamese
20	ĐỖ KHẮC ĐÀ	P5	20	1	5		66	PSV	Vietnamese
21	ĐÀO XUÂN THANH	P5	32	1	3		68	PSV	Vietnamese
22	ĐINH VĂN LƯU	P5	18	1	5		51	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	15	13	83	1.051	35	14		
2	P5	7	9	38	459	0	8		
TOTAL		22	22	121	1.510	35	22		
WEIGHT KG				121	1.510	35			

GRAND TOAL: 1.666 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/04/2024	TO: P11 - P1	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:20
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: CHIẾN - NPhú - DTùng	ETA: 14:10
VANG - 3			

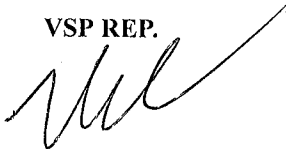
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU TRUNG KIEN	P11	29-30	2	16		76	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN DUC SON	P11	28	1	10	60	73	KH-THAC	Vietnamese
3	VI KHAC THANH	P1	11	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
4	LUU VAN TUAN	P1	08	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
5	LE QUANG TIEN	P1	100	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN THUONG	P1	09	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN THANH HAI	P1	93	1	13		75	KH-THAC	Vietnamese
8	CAO DANG PHONG	P1	90	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG VAN LINH	P1	94-95	2	15		61	YTE	Vietnamese
10	HO HUU CHUNG	P1	10	1	6		50	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN QUANG PHUOC	P1					80	KH-THAC	Vietnamese
12	DUONG DUY KHUONG	P1	12	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
13	LE VAN TU	P1	91	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
14	DUONG NGUYEN LONG NHAN	P1	96	1	7		125	KH-THAC	Vietnamese
15	DANG DUC TOANH	P1	07	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
16	HO NGUYEN KHANH DUY	P1	89	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
17	CHAU HUNG HUY	P1	98-99	2	7		77	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN DINH HAI	P1	92	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
19	LE MINH HIEU	P1	97	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN UT	P1				103	62	T-TIN	Vietnamese
21	TRAN XUAN HOANG	P1	13-15	3	14		71	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	2	3	26	149	60	0		
2	P1	19	21	117	1.358	103	22		
TOTAL		21	24	143	1.507	163	22		
WEIGHT KG				143	1.507	163			

GRAND TOAL: 1.813 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/04/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+P11+CTK3	7:25	2+0+18	0+0+0		0+3+16	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ tất máy CTK3-3h, 13 nguoi ctk3 về trong ngày



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/04/2024	TO: TD5 - P11 - CTK3(+3h)	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HUNG - CHIEN - HIEU	ETA: 12:30
XANH-1+ VIP			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	JERRY REPETOWSKI	TD5	41	1	15		118	PVDWS/HA	Canadian
2	MUHAMMAD QAMAR ABBAS	TD5	42	1	10		95	PVDWS/HA	Pakistan
3	ĐINH TRUNG KIEN	CTK3	/			60	70	D-HANH	Vietnamese
4	NGUYỄN PHAM HA	CTK3					54	D-HANH	Vietnamese
5	PHAN THANH GIANG	CTK3					66	D-HANH	Vietnamese
6	BUI XUAN THANH	CTK3					69	D-HANH	Vietnamese
7	TRẦN HẬU VƯƠNG	CTK3					69	D-HANH	Vietnamese
8	PHẠM THỊ KIỀU OANH	CTK3					55	D-HANH	Vietnamese
9	VŨ NGỌC ANH	CTK3					63	D-HANH	Vietnamese
10	TRẦN THỊ MỸ HANH	CTK3					52	D-HANH	Vietnamese
11	VŨ THỊ THANH MAI	CTK3					49	D-HANH	Vietnamese
12	DƯƠNG THỊ BÍCH TRAM	CTK3					53	D-HANH	Vietnamese
13	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VI	CTK3					47	D-HANH	Vietnamese
14	PHẠM MINH TUÂN	CTK3					69	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐO THỊ MÊN	CTK3	88	1	2		74	ANTOAN	Vietnamese
16	TRẦN VIỆT HÙNG	CTK3	83-84	2	20		80	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN MẠNH	CTK3	91	1	10	15	60	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN ĐÌNH HÙNG	CTK3	85-86	2	20		57	XAYLAP	Vietnamese
19	PHẠM VĂN HÙNG	CTK3	87	1	12		77	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ NGỌC ANH	CTK3	89-90	2	20		92	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	2	2	25	213	0	0		
2	P11	0	0	0	0	0	3		
3	CTK3	18	9	84	1.156	75	16		
TOTAL		20	11	109	1.369	75	19		
WEIGHT KG				109	1.369	75			

GRAND TOAL: 1.553 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN